

Số: 1236/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển, mã số: 7310105.

Điều 2. Giao Khoa Kinh tế quản lý chương trình đào tạo này.

Điều 3. Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

Điều 4. Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /i.huu

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Trương Sĩ Trung



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kinh tế
b) Tên chương trình	Kinh tế phát triển
c) Ngành đào tạo	Kinh tế phát triển
d) Mã số ngành đào tạo	7310105
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kinh tế phát triển
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
- PEO2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và kinh tế phát triển; kỹ năng chuyên môn phù hợp để phân tích và vận dụng vào các vấn đề thực tế gặp phải trong công việc liên quan;
- PEO3: Có khả năng xây dựng và quản trị các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển. Có năng lực phân tích, đánh giá các chiến lược, chính sách vĩ mô, kế hoạch, chương trình phát triển trong phạm vi công tác;
- PEO4: Nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học và sử dụng tốt các công cụ phân tích số liệu để thu thập và xử lý dữ liệu kinh tế một cách khoa học và đúng đắn;
- PEO5: Có tinh thần và khát vọng khởi nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp.

2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x				
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x		
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		x	x		
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ		x	x	x	
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x				x

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kinh tế phát triển, sinh viên có khả năng:

- PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
- PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
- PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
- PLO4: Xây dựng và quản trị các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển trong lĩnh vực kinh tế - xã hội ở các ở quan quản lý nhà nước từ Trung Ương đến địa phương;
- PLO5: Phân tích, đánh giá các chiến lược, chính sách vĩ mô, kế hoạch, chương trình phát triển;
- PLO6: Thực hiện các nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học – công nghệ lĩnh vực kinh tế phát triển nói riêng và kinh tế học nói chung;
- PLO7: Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển phù hợp với bối cảnh cụ thể;
- PLO8: Vận dụng những kiến thức cơ bản và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực của kinh tế phát triển;
- PLO9: Có tư duy phản biện, năng lực khởi nghiệp và kết nối cộng đồng;
- PLO10: Làm việc độc lập, làm việc nhóm, học tập suốt đời và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

3.2 Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x							
2		x		x	x	x		x		
3				x	x		x		x	x
4						x	x	x	x	x
5			x				x	x	x	x

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế phát triển có kiến thức nền tảng tốt, có kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng khá tốt với yêu cầu việc làm ở cả khu vực nhà nước và doanh nghiệp. Cử nhân ngành Kinh tế phát triển thường có cơ hội việc làm tại các đơn vị:

1. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong và ngoài nước: phòng Kế hoạch, phòng kinh doanh, ban dự án, phòng nhân sự, phòng marketing,....;
2. Các tổ chức tài chính: bộ phận tín dụng; bộ phận nguồn vốn, phát triển sản phẩm; bộ phận quản lý chất lượng, phân tích tài chính; bộ phận dịch vụ khách hàng; bộ phận truyền thông;
3. Các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ trung ương đến địa phương: các Sở, Ban, Ngành, Vụ, Viện;
4. Các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ về phát triển: bộ phận điều phối chương trình, dự án phát triển; bộ phận nghiên cứu, xây dựng, triển khai các dự án phát triển của quốc tế ở Việt Nam;
5. Nghiên cứu viên, giảng viên trong các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và đào tạo khối ngành Kinh tế;
6. Tự khởi nghiệp, triển khai các ý tưởng khởi nghiệp như mong muốn.

V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I	Giáo dục tổng quát	50	35,7	44	31,4	6	4,3
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	22	15,7	18	12,9	4	2,9
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	9	6,4	9	6,4	0	0,0
3	Ngoại ngữ	8	5,7	8	5,7	0	0,0
4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh	11	7,9	9	6,4	2	1,4
II	Giáo dục chuyên nghiệp	90	64,3	78	55,7	12	8,6
1	Cơ sở ngành	37	26,4	31	22,1	6	4,3
2	Ngành	43	30,7	37	26,4	6	4,3
3	Tốt nghiệp	10	7,1	10	7,1	0	0,0
	Tổng cộng	140	100	122	87,1	18	12,9

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			140	Bắt buộc				17	15	13	14	14	15	16	10
				Tự chọn				-	3*	3*	3*	3*	3*	3*	-
I	Giáo dục tổng quát		50												
I. 1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật		22												
Các HP bắt buộc			18					5	2	4	5	2			
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45				3							
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1			2						
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1				2					
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2, 3					2				
5	POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		2, 3					2				
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30				2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45							3				
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30						2					
Các HP tự chọn			4						2*	2*					
9	SSH380	Văn hóa Việt nam	2	30					2*						
10	SSH317	Nhập môn hành chính NN	2	30					2*						

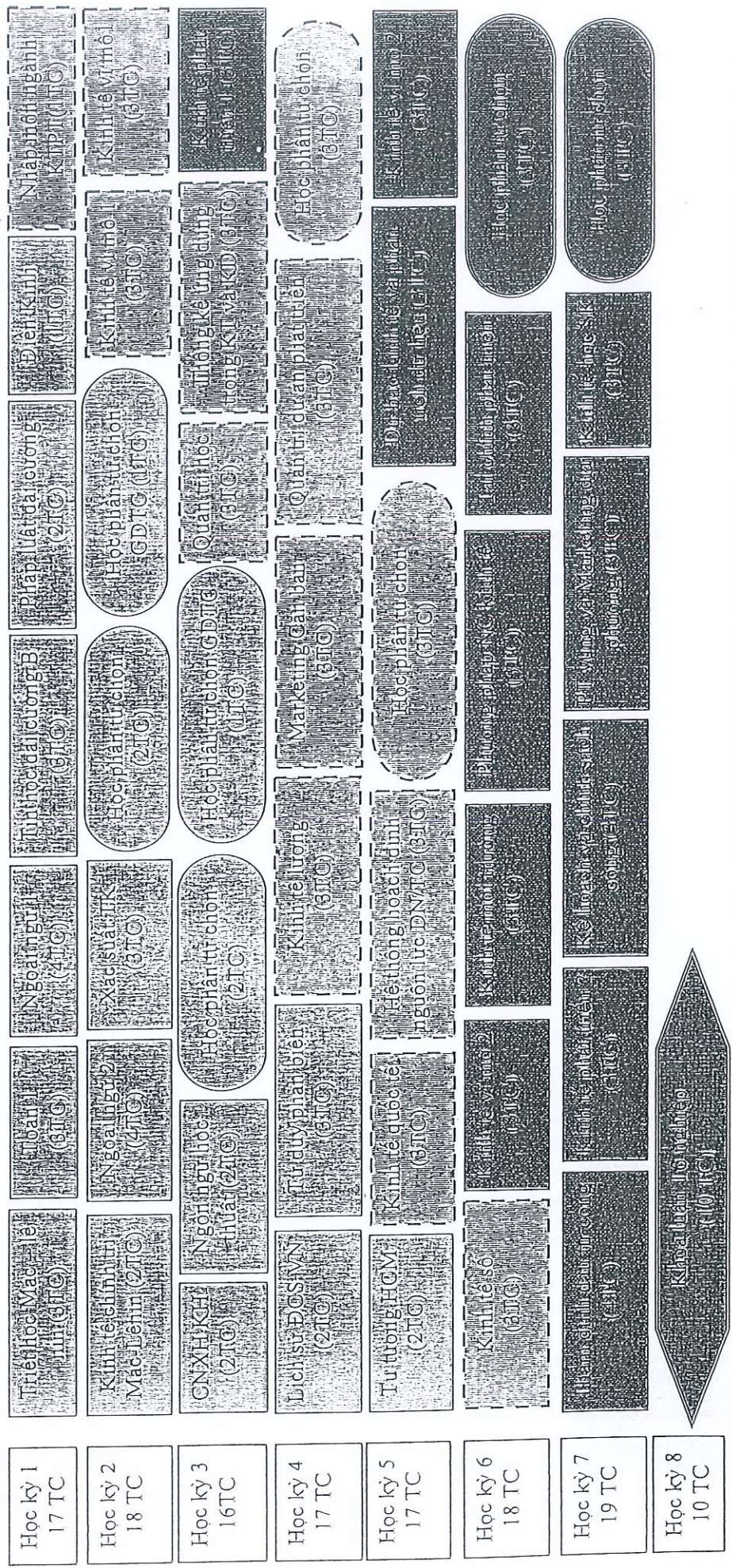
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
11	SSH383	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	30						2*						
12	ENE318	Môi trường và phát triển	2	30						2*						
I. 2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường		9					6	3							
13	MAT327	Toán 1	3	45				3								
14	MAT322	Xác suất thống kê	3	45		13			3							
15	SOT382	Tin học đại cương B	3	15	30			3								
I. 3	Ngoại ngữ		8					4	4							
16		Ngoại ngữ 1	4	60				4								
17		Ngoại ngữ 2	4	60		16			4							
I. 4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh		11													
Các HP bắt buộc			9					1								
18	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	45												
19	QPAD02	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30						8 ¹						
20	QPAD033	Quân sự chung	1	15												
21	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	10	20											
22	85065	Điền kinh	1	5	10			1								
Các HP tự chọn			2						1*	1*						
23	85097	Bóng đá	1	5	10						1*					
24	85098	Bóng chuyền	1	5	10					1*						
25	85105	Cầu lông	1	5	10					1*						
26	85108	Taekwondo	1	5	10						1*					
27	85066	Bơi lội	1	5	10						1*					
28	851111	Aerobic	1	5	10					1*						
II	Giáo dục chuyên nghiệp		90													
II. 1	Cơ sở ngành		37													
Các HP bắt buộc			31					1	6	6	9	6	3			
29		Nhập môn ngành KTPT	1	15				1								
30		Kinh tế vi mô 1	3	45		13			3							
31		Kinh tế vĩ mô 1	3	45		13	30		3							
32		Thống kê ứng dụng trong KT và KD	3	45		14				3						
33		Kinh tế lượng	3	30	15	32					3					

¹ Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
34		Quản trị học	3	45						3						
35		Marketing căn bản	3	45		30					3					
36		Quản trị dự án phát triển	3	45		34					3					
37		Kinh tế quốc tế	3	45		31						3				
38		Kinh tế số	3	45		31							3			
39		Hệ thống hoạch định nguồn lực tổ chức	3	30	15	34							3			
Các HP tự chọn			6								3*	3*				
40		Chiến lược và Kế hoạch kinh doanh	3	45		35						3*				
41		Kinh tế đầu tư	3	45		31							3*			
42		Kinh tế nguồn nhân lực	3	45		30							3*			
43		Phân tích chuỗi giá trị	3	45		30							3*			
II.2 Kiến thức ngành			43													
Các HP bắt buộc			37							3		6	12	16		
44		Kinh tế vi mô 2	3	45		30						3				
45		Kinh tế vĩ mô 2	3	45		31							3			
46		Kinh tế phát triển 1	3	45		31				3						
47		Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	45		33						3				
48		Thẩm định dự án đầu tư công	4	30	30	45									4	
49		Kinh tế môi trường	3	45		31							3			
50		Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	30	15	33								3		
51		Tài chính phát triển	3	45		46	45							3		
52		Kinh tế phát triển 2	3	45		46									3	
53		Kế hoạch & chính sách công	3	45		46	52								3	
54		Phát triển vùng và Marketing địa phương	3	30	15	46	52								3	
55		Kinh tế học sức khỏe	3	45		45									3	
Các HP tự chọn			6											3*	3*	
56		Luật kinh doanh	3	45		6								3*		
57		Đầu tư tài chính	3	45		14									3*	
58		Kinh tế công cộng	3	45		30								3*		
59		Phân tích hành vi tổ chức	3	45		34									3*	
II.3 Khóa luận tốt nghiệp			10													10

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "*" là của HP tự chọn.

7.2. Lưu đồ đào tạo



Ghi chú:

(1) Các biểu thị của hình dạng khung:

(2) Chi thị màu/viên:

HP bắt buộc HP tự chọn Tốt nghiệp

HP GDTC HP có sự gắn kết Học phân tử chọn

TT	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với chuẩn đầu ra (PLOs)										Tổng	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
29	Nhập môn ngành	1				I	I			I				3I
30	Kinh tế vi mô 1	3					R				I			1I+1R
31	Kinh tế vĩ mô 1	3					R				I			1I+1R
32	Thống kê ứng dụng trong KT và KD	3						R			R			2R
33	Kinh tế lượng	3					R	R						2R
34	Quản trị học	3				R				I		I		2I+1R
35	Marketing căn bản	3				I				I	I	I		4I
36	Quản trị dự án phát triển	3				R	R			R				3R
37	Kinh tế quốc tế	3					R				I			1I+1R
38	Kinh tế số	3					R	R			R		I	1I+3R
39	Hệ thống hoạch định nguồn lực tổ chức	3				R	R	I	R	R				1I+4R
40	Chiến lược và Kế hoạch kinh doanh	3				x	x			x	x			x
41	Kinh tế đầu tư	3				x	x			x				x
42	Kinh tế nguồn nhân lực	3					x							x
43	Phân tích chuỗi giá trị	3					x	x			x			x
II.2	Kiến thức ngành													
44	Kinh tế vi mô 2	3				I	M	R	I	I				3I+1R+1M
45	Kinh tế vĩ mô 2	3				I	M	R	I	I				3I+1R+1M
46	Kinh tế phát triển 1	3				R	R	I	I	I				3I+2R
47	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3				I	R	R			I			2I+2R
48	Thẩm định dự án đầu tư công	4				R	R	R	R	I				1I+4R
49	Kinh tế môi trường	3					R	R	I	I				2I+2R
50	PP nghiên cứu kinh tế	3				I	R	M	R	I	R	R		2I+4R+1M
51	Tài chính phát triển	3				R	R	I	R	I				2I+3R
52	Kinh tế phát triển 2	3				M	M	R	R	M				2R+3M
53	Kế hoạch và chính sách công	3				M	M	R	M	R	I			1I+2R+3M
54	Phát triển vùng và marketing địa phương	3				R	M	R	I	I		I		3I+2R+1M
55	Kinh tế học sức khỏe	3				I	R	R	I	R				2I+3R
56	Luật kinh doanh	3					x			x		x		x
57	Đầu tư tài chính	3				x	x			x				x
58	Kinh tế công cộng	3				x	x			x	x			x
59	Phân tích hành vi tổ chức	3				x				x	x			x
II.5	Khóa luận tốt nghiệp			R	R	R	M	M	M	M	M	M	M	7M+2R
	Tổng		8M	3R+2M	1R+5M	7I+7R+2M	11I+14R+6M	3I+13R+2M	9I+6R+2M	13I+5R+2M	3I+1R+2M	2I+1R+1M		
	Chuẩn đầu ra		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.


Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

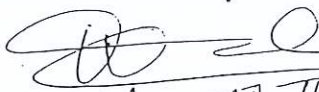
Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế,...

TRƯỞNG KHOA/VIỆN


Khoa Kỹ Thuật

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



Phan Thị Thái

HIỆU TRƯỞNG



Trang Thị Trung

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT


Quách Hoài Nam